

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI
DỊCH VỤ PHÚ PHONG
Báo cáo của Hội đồng Quản trị
Báo cáo tài chính đã kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	1 - 2
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2011	5 - 6
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 25

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Phong, sau đây gọi tắt là (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011.

1. Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Mạnh	Chủ tịch
Ông Lương Trọng Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Trần Văn Quyền	Thành viên
Ông Vũ Việt Hùng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 22/6/2011)
Ông Mạc Trần Hồng	Thành viên
Bà Vũ Hoài Thu	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 22/6/2011)
Ông Trần Hòa	Trưởng ban Kiểm soát
Ông Trần Văn Thoại	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 01/3/2011)
Bà Nguyễn Hồng Hạnh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Trúc Linh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 22/6/2011)

2. Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lương Trọng Tuấn	Giám đốc
Ông Trần Văn Quyền	Phó Giám đốc
Bà Hàng Thị Quỳnh Mai	Phó Giám đốc

3. Các hoạt động chính

Sản xuất kính tráng thủy, kính mỹ thuật.

4. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 25.

5. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

6. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

7. Những thay đổi đáng chú ý trong năm

- Theo Nghị Quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2011 của Công ty đã thông qua việc trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2010. Trong đó cổ tức chi trả cho cổ đông năm 2010 là 5.788.024.729 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Theo Quyết định số 435/QĐ-SGDHN ngày 30/8/2011 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận niêm yết bổ sung 720.000 cổ phiếu của Công ty, mà Công ty đã bán cho cổ đông chiến lược là Công ty TNHH Sinh Nam Metal Việt Nam tại đợt chào bán chứng khoán ra công chúng theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 690/UBCK-GCN ngày 27/9/2010 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
- Trong năm 2011, Công ty đã tăng giá trị đầu tư vào Công ty con (là Công ty TNHH MTV Kinh Phú Phong với chức năng: Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh. Vận tải hàng hoá bằng đường bộ. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu. Đại lý mua bán hàng hoá. Hoàn thiện công trình xây dựng. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng) với giá trị góp vốn đến ngày 31/12/2011 là 50.490.903.917 đồng. Công ty con đang trong quá trình xây dựng nhà xưởng, mua sắm máy móc thiết bị.
- Cũng trong năm 2011, Công ty đã chuyển nhượng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ 40 Nguyễn Cư Trinh, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, Tp. HCM với giá trị chuyển nhượng là 17 tỷ đồng (đã bao gồm thuế GTGT).

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011.

9. Công bố trách nhiệm của Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Công ty đã:

- ☐ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ☐ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ☐ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- ☐ Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

10. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011.

Vào ngày lập báo cáo này, Công ty tin tưởng rằng có khả năng hoàn trả các khoản nợ của Công ty khi đáo hạn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Ngày 04 tháng 3 năm 2012

Số: 078/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011 của
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Phong

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Phong (sau đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011, được lập ngày 04 tháng 3 năm 2012, từ trang **05 đến trang 25** kèm theo.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C), được lập ngày 02/3/2011 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi các Báo cáo tài chính đính kèm theo bảng báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Phong tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Nguyễn Văn Tuyên

Phó Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0111/KTV
TP. HCM, ngày 04 tháng 3 năm 2012

Hồ Đắc Hiếu

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0458/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		113.985.534.114	136.631.957.852
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	7.025.573.613	25.550.636.392
1. Tiền	111		3.543.884.704	5.550.636.392
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.481.688.909	20.000.000.000
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	V.02	47.586.384.315	50.814.581.357
1. Phải thu khách hàng	131		47.795.152.356	46.947.224.809
2. Trả trước cho người bán	132		258.738.099	3.725.895.202
3. Các khoản phải thu khác	135		2.873.429.815	3.204.491.990
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(3.340.935.955)	(3.063.030.644)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.03	55.292.836.711	56.989.567.044
1. Hàng tồn kho	141		57.926.880.943	60.344.319.462
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.634.044.232)	(3.354.752.418)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	V.04	4.080.739.475	3.277.173.059
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		139.206.872	217.226.332
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		391.934.617	184.109.950
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		640.960.366	136.960.596
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.908.637.620	2.738.876.181
B. Tài sản dài hạn	200		80.855.050.161	50.659.495.388
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		20.126.309.641	22.117.864.743
1. TSCĐ hữu hình	221	V.05	13.691.087.153	15.496.869.547
- Nguyên giá	222		72.782.016.034	73.306.052.605
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(59.090.928.881)	(57.809.183.058)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.06	6.435.222.488	6.620.995.196
- Nguyên giá	228		8.545.544.404	8.545.544.404
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.110.321.916)	(1.924.549.208)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	1.317.875.376
1. Nguyên giá	241		-	2.233.687.128
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	(915.811.752)
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.07	59.338.512.561	25.682.338.806
1. Đầu tư vào công ty con	251		50.490.903.917	17.263.198.690
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		9.570.000.000	9.570.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.909.380.000	1.909.380.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	229		(2.631.771.356)	(3.060.239.884)
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		1.390.227.959	1.541.416.463
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	1.390.227.959	1.541.416.463
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		194.840.584.275	187.291.453.240

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		96.199.488.098	87.716.985.034
I. Nợ ngắn hạn	310		95.575.197.108	85.351.320.776
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	49.203.847.712	38.732.646.054
2. Phải trả cho người bán	312	V.10	11.904.203.990	17.916.606.920
3. Người mua trả tiền trước	313	V.10	1.247.177.521	1.366.238.305
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	1.721.016.105	747.084.821
5. Phải trả người lao động	315	V.12	2.953.275.989	1.546.003.586
6. Chi phí phải trả	316	V.13	509.134.679	332.522.165
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	27.220.248.987	23.667.580.795
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		816.292.125	1.042.638.130
II. Nợ dài hạn	330	V.15	624.290.990	2.365.664.258
1. Phải trả dài hạn khác	333		-	211.508.000
2. Vay và nợ dài hạn	334		303.214.000	1.031.105.750
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		14.947.058	406.897.212
4. Dự phòng phải trả dài hạn	337		306.129.932	716.153.296
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.16	98.641.096.177	99.574.468.206
I. Vốn chủ sở hữu	410		98.641.096.177	99.574.468.206
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		73.425.000.000	73.425.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.661.465.980	6.682.265.980
3. Cổ phiếu quỹ	414		(2.020.632.420)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.012.254.593	5.168.444.531
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.120.107.023	3.838.837.002
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		10.442.901.001	10.459.920.693
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		194.840.584.275	187.291.453.240

CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược		
4. Nợ khó đòi đã xử lý	3.214.025.544	3.214.025.544
5. Ngoại tệ các loại:		
- USD	30,424.42	37,005.93
- EUR	18.10	14.20
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP HCM, ngày 04 tháng 3 năm 2012

Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		349.488.316.498	389.797.147.086
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		264.378.089	1.230.857.367
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.17	349.223.938.409	388.566.289.719
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.18	304.703.593.029	342.844.482.674
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44.520.345.380	45.721.807.045
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19	1.278.354.236	1.013.159.537
7. Chi phí tài chính	22	VI.20	7.879.730.561	5.834.575.658
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.971.856.049	5.077.339.497
8. Chi phí bán hàng	24	VI.21	12.653.476.407	13.019.290.777
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.22	15.149.496.096	16.499.958.347
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		10.115.996.552	11.381.141.800
11. Thu nhập khác	31	VI.23	1.050.671.682	274.933.505
12. Chi phí khác	32	VI.24	1.892.618.878	352.328.796
13. Lợi nhuận (lỗ) khác	40		(841.947.196)	(77.395.291)
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		9.274.049.356	11.303.746.509
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.25	3.648.648.944	3.586.380.204
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		5.625.400.412	7.717.366.305
18. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	70		797	1.472

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP HCM, ngày 04 tháng 3 năm 2012

Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	9.274.049.356	11.303.746.509
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.423.562.473	4.311.479.568
Các khoản dự phòng	03	(871.271.403)	2.910.793.924
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(126.487.817)	(459.029.938)
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(14.981.045.500)	(108.426.513)
Chi phí lãi vay	06	6.971.856.049	5.077.339.497
Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động	08	3.690.663.158	23.035.903.047
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	17.985.640.803	26.308.520.027
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	2.417.438.519	(16.683.384.569)
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	(5.266.217.977)	(4.774.617.463)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	229.207.964	(1.183.624.152)
Tiền lãi vay đã trả	13	(6.790.137.870)	(5.025.459.992)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(4.750.974.125)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(169.761.439)	29.047.064.821
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(34.369.200.127)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	12.096.833.158	11.604.227.467
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(1.605.452.896)	(2.832.841.645)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	207.372.937	1.647.727
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(33.227.705.227)	(17.081.428.690)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	502.000.009	114.338.682
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(34.123.785.177)	(19.798.283.926)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	(20.800.000)	35.313.283.010
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	(2.020.632.420)	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	228.669.793.048	178.020.399.359
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(218.882.799.839)	(176.730.786.071)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.236.070.000)	(6.116.546.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.509.490.789	30.486.350.298
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(18.517.461.230)	22.292.293.839
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	25.550.636.392	3.278.287.075
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(7.601.549)	(19.944.522)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	7.025.573.613	25.550.636.392

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

TP HCM, ngày 04 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất Thương Mại Dịch vụ Phú Phong được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 064074 đăng ký lần đầu ngày 01/12/1997, và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 02/6/2009.

Công ty đã chính thức lên sàn giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán Hà Nội ngày 20/12/2006, theo quyết định số 44/GĐ-TTGDHN ngày 28/11/2006 của Giám đốc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là PPG.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 40.000.000.000 đồng.

Công ty đang tiến hành các thủ tục xin cấp giấy đăng ký kinh doanh mới với vốn điều lệ 73.425.000.000 đồng.

2 Tên giao dịch, trụ sở và các đơn vị trực thuộc

Tên Công ty viết tắt là: PHU PHONG CORPORATION

Trụ sở chính đặt tại: Lô 4, đường B, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

3 Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất - thương mại

4 Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

Sản xuất kính tráng thủy, kính mỹ thuật. Mua bán máy móc, phụ tùng, vật tư, nguyên liệu, vật liệu xây dựng, kim khí điện máy, bách hóa. Đại lý ký gởi hàng hóa. Dịch vụ thương mại. Hoạt động xây dựng chuyên dụng. Kinh doanh bất động sản.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1 Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- 2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

IV Các chính sách kế toán áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 31/12/2011 là: 20.828 đồng/USD

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 8 năm
Dụng cụ quản lý	6 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	46 năm

7. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào Công ty con

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

Đầu tư tài chính khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết mà không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

8. Chi phí trả trước

Chi phí công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa lớn được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

9. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 22%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 20% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 8,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

11. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: Công ty trích lập 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội.

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa và công trình xây dựng: Công ty trích lập 5% trên doanh thu các sản phẩm, hàng hóa, công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê

Thu nhập từ hoạt động cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

16. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

17. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

18. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	558.566.824	460.547.597
Tiền gửi ngân hàng	(1.1) 2.985.317.880	5.090.088.795
Các khoản tương đương tiền	(1.2) 3.481.688.909	20.000.000.000
Cộng	7.025.573.613	25.550.636.392
(1.1) Bao gồm:	Ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng bằng VND		2.351.136.690
Tiền gửi ngân hàng bằng USD	30,424.42	633.679.820
Tiền gửi ngân hàng bằng EUR	18.10	501.370
Cộng		2.985.317.880

(1.2) Trong đó, bao gồm khoản tiền gửi qua đêm tại Ngân hàng BIDV - CN Tây Sài Gòn có số dư tại ngày 31/12/2011 là 3.481.688.909 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

2. Các khoản phải thu ngắn hạn		Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	(2.1)	47.795.152.356	46.947.224.809
Trả trước cho người bán		258.738.099	3.725.895.202
Phải thu khác	(2.2)	2.873.429.815	3.204.491.990
Cộng		50.927.320.270	53.877.612.001
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.3)	(3.340.935.955)	(3.063.030.644)
Cộng Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn		47.586.384.315	50.814.581.357

(2.1) Trong đó, bao gồm khoản phải thu khách hàng nước ngoài là 42,926.50 USD tương đương 894.073.142 đồng, và khoản phải thu 147,427.47 USD đã được lập dự phòng phải thu khó đòi 100%.

(2.2) Bao gồm:

Phải thu liên quan đến khoản chi tạm ứng tiền ốm đau, thai sản cho cán bộ nhân viên.

363.185.459

Phải thu liên quan đến khoản chiết khấu thương mại được hưởng

1.759.674.976

Phải thu Công ty CP Trường Phong liên quan đến khoản chi hộ

335.878.364

Phải thu cán bộ nhân viên liên quan đến khoản bồi thường, khoản lãi phạt

208.326.997

Phải thu khác

206.364.019

Cộng

2.873.429.815

(2.3): Dự phòng nợ phải thu khó đòi	Tỷ lệ trích lập	Các khoản phải thu đến ngày 31/12/2011 để lập dự phòng	Trị giá dự phòng
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán:			
Công nợ phải thu từ 1 - 2 năm	50%	1.028.798.215	(514.399.108)
Công nợ phải thu từ 2 - 3 năm	70%	149.493.685	(104.645.579)
Công nợ phải thu từ 3 năm trở lên	100%	2.721.891.269	(2.721.891.269)
Cộng		3.900.183.168	(3.340.935.955)

3. Hàng tồn kho		Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường		1.480.106.775	6.369.789.855
Nguyên vật liệu		5.808.526.575	5.578.755.223
Công cụ, dụng cụ		1.291.252.152	923.229.161
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		9.813.742.221	10.533.337.931
Thành phẩm		6.162.202.586	6.495.718.420
Hàng hoá tồn kho		33.371.050.634	30.443.488.872
Cộng		57.926.880.943	60.344.319.462
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(*)	(2.634.044.232)	(3.354.752.418)
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho		55.292.836.711	56.989.567.044

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011**(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)*

(*) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với:		Số cuối năm			
Nguyên vật liệu		38.496.925			
Thành phẩm		14.610.826			
Hàng hóa		620.701.601			
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		1.960.234.880			
Cộng		2.634.044.232			
4.	Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm		
	Chi phí trả trước ngắn hạn	(4.1) 139.206.872	217.226.332		
	Thuế GTGT được khấu trừ (thuế GTGT hàng nhập khẩu)	391.934.617	184.109.950		
	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	640.960.366	136.960.596		
	Tài sản ngắn hạn khác	(4.2) 2.908.637.620	2.738.876.181		
	Cộng	4.080.739.475	3.277.173.059		
(4.1) Bao gồm:					
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ		81.047.326			
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ		17.670.389			
Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ		40.489.157			
Cộng		139.206.872			
(4.2) Bao gồm:		Số cuối năm			
Tài sản thiếu chờ xử lý		424.355			
Các khoản tạm ứng		2.904.513.265			
Các khoản đặt cọc, ký quỹ ngắn hạn		3.700.000			
Cộng		2.908.637.620			
5.	Tài sản cố định hữu hình				
Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số dư đầu năm	12.161.238.168	52.331.832.963	5.315.877.634	3.497.103.840	73.306.052.605
Tăng	570.885.260	1.011.164.000	-	23.403.636	1.605.452.896
Giảm	-	2.129.489.467	-	-	2.129.489.467
Số dư cuối năm	12.732.123.428	51.213.507.496	5.315.877.634	3.520.507.476	72.782.016.034
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.953.244.525	47.263.910.043	3.754.779.801	1.837.248.689	57.809.183.058
Tăng	445.463.500	1.815.577.975	518.987.532	457.760.758	3.237.789.765
Giảm	-	1.956.043.942	-	-	1.956.043.942
Số dư cuối năm	5.398.708.025	47.123.444.076	4.273.767.333	2.295.009.447	59.090.928.881

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

5. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	7.207.993.643	5.067.922.920	1.561.097.833	1.659.855.151	15.496.869.547
Số dư cuối năm	7.333.415.403	4.090.063.420	1.042.110.301	1.225.498.029	13.691.087.153

TSCĐ tăng trong năm do mua sắm mới, giảm do thanh lý, nhượng bán

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 44.606.005.779 đồng

6. Tài sản cố định vô hình (Quyền sử dụng đất)

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá (*)	8.545.544.404	-	-	8.545.544.404
Hao mòn lũy kế	1.924.549.208	185.772.708	-	2.110.321.916
Giá trị còn lại	6.620.995.196			6.435.222.488

(*) Giá trị quyền sử dụng 10.630 m2 đất tại Lô 4 đường B, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp. HCM, với thời hạn sử dụng là: 46 năm.

7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con	(7.1) 50.490.903.917	17.263.198.690
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	(7.2) 9.570.000.000	9.570.000.000
Đầu tư dài hạn khác	(7.3) 1.909.380.000	1.909.380.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(7.4) (2.631.771.356)	(3.060.239.884)
Cộng	59.338.512.561	25.682.338.806

(7.1) Đầu tư vào công ty con	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư
Công ty TNHH MTV Kinh Phú Phong	40.000.000.000	100%	50.490.903.917

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Kinh Phú Phong (đang trong tình trạng lỗ) chưa được tiến hành trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính, do Công ty nhận định rằng Công ty con này mới được thành lập kể từ ngày 20/10/2010 và khoản đầu tư này dự kiến có khả năng thu được lợi ích sau 3 năm theo kế hoạch đầu tư ban đầu.

(7.2) Đầu tư vào công ty liên kết	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư
Công ty TNHH SX TM DV Trường Phong	17.500.000.000	27,26%	4.770.000.000
Công ty CP SX TM Tiên Phong	16.000.000.000	30%	4.800.000.000
Cộng			9.570.000.000

(7.3) Khoản đầu tư mua 190.938 cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phương Đông tương đương 1.909.380.000 đồng (đơn giá mua 10.000 đồng/cổ phần).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

(7.4) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	Giá trị đầu tư	Trị giá dự phòng	Giá trị thuần tại 31/12/2011
Công ty TNHH SX TM DV Trường Phong	4.770.000.000	(1.187.221.099)	3.582.778.901
Công ty CP SX TM Tiến Phong	4.800.000.000	(623.516.857)	4.176.483.143
Ngân hàng TMCP Phương Đông	1.909.380.000	(821.033.400)	1.088.346.600
Cộng	11.479.380.000	(2.631.771.356)	8.847.608.644

	Số cuối năm	Số đầu năm
8. Chi phí trả trước dài hạn (*)	1.390.227.959	1.541.416.463

(*) Bao gồm

Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	391.040.779
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	999.187.180
Cộng	1.390.227.959

	Số cuối năm	Số đầu năm
9. Vay và nợ ngắn hạn	49.203.847.712	38.732.646.054

Vay từ ngân hàng

Vay bằng VND	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
BIDV - CN Tây Sài Gòn	30.000.000.000	173.172.212.525	163.177.066.645	39.995.145.880
NH TNHH MTV HSBC	1.137.973.402	23.949.292.527	25.087.265.929	-
Vietinbank - CN Bình Tân	5.103.250.053	8.123.829.655	13.227.079.708	-
Vay bằng USD				
BIDV - CN Tây Sài Gòn		5.596.461.292	5.596.461.292	-
NH TNHH MTV HSBC	1.641.911.399	16.782.261.849	9.673.481.916	8.750.691.332
Cộng	37.883.134.854	227.624.057.848	216.761.355.490	48.745.837.212
Vay từ các cá nhân	300.000.000	-	300.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	549.511.200			458.010.500
Cộng vay và nợ ngắn hạn	38.732.646.054	227.624.057.848	217.061.355.490	49.203.847.712

Vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - CN Tây Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/HĐ ngày 17/5/2011 với hạn mức là 40 tỷ đồng; Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; Lãi suất vay tại ngày 31/12/2011 đối với VND là 16,8%/năm; Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất và sở hữu nhà xưởng tại lô số 04, đường B, KCN Tân Tạo, Q. Tân Bình, TP. HCM. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2011 là: **39.995.145.880 đồng**

Vay từ Ngân hàng TNHH MTV HSBC theo HĐ số VNM 110357 ngày 21/3/2011 với số tiền được phép vay là 1,240,000.00 USD hoặc tương đương VND; Thời hạn hợp đồng là 12 tháng, thời hạn vay cho từng giấy nhận nợ là 03 tháng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; Lãi suất vay tại ngày 31/12/2011 với USD là 5% đến 5,8%/năm; Tài sản đảm bảo: Thế chấp bằng máy móc thiết bị theo HĐ thế chấp số VNM 101529/MS ngày 01/10/2010 có trị giá 2.927.085.828 đồng, thế chấp bằng hàng hóa trong kho theo HĐ thế chấp số VNM 101529/MM ngày 01/10/2010 có trị giá 9.700.000.000 đồng, thế chấp bằng các khoản phải thu từ tất cả các bên có liên quan theo HĐ thế chấp số VNM 101529/MB ngày 01/10/2010 có trị giá 15.300.000.000 đồng. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2011 là: **420,140.74 USD** tương đương 8.750.691.332 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước		Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	(10.1)	11.904.203.990	17.916.606.920
Người mua trả tiền trước	(10.2)	1.247.177.521	1.366.238.305
Cộng		13.151.381.511	19.282.845.225

(10.1) Trong đó, bao gồm khoản phải trả người bán gốc ngoại tệ là 299,517.65 USD tương đương 6.238.353.614 đồng và 15,933.82 EUR tương đương 441.366.814 đồng.

(10.2) Trong đó, bao gồm khoản người mua trả tiền trước gốc ngoại tệ là 5,049.31 USD tương đương 105.167.029 đồng.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa		1.047.019.819	286.115.674
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		391.934.617	184.109.950
Thuế Xuất Nhập khẩu		230.962.247	215.091.269
Thuế Thu nhập cá nhân		51.099.422	61.767.928
Cộng		1.721.016.105	747.084.821

12. Phải trả người lao động		Số cuối năm	Số đầu năm
Lương còn phải trả người lao động		2.953.275.989	1.546.003.586

13. Chi phí phải trả	(*)	Số cuối năm	Số đầu năm
		509.134.679	332.522.165

(*) Bao gồm:

Chi phí lãi vay còn phải trả	467.928.540
Chi phí phải trả khác	41.206.139
Cộng	509.134.679

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	(*)	Số cuối năm	Số đầu năm
		27.220.248.987	23.667.580.795

(*) Bao gồm:

Kinh phí Công đoàn	479.310.117
BHXXH, BHYT, BHTN còn phải nộp	442.425.047
Nhận ký quỹ, đặt cọc thực hiện hợp đồng	25.159.715.001
Cổ tức còn phải trả	459.301.534
Phải trả Ông Lương Trọng Tuấn liên quan đến khoản tiền mượn (không hợp đồng, không lãi suất)	600.000.000
Phải trả khác	79.497.288
Cộng	27.220.248.987

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

15. Nợ dài hạn		Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả dài hạn khác		-	211.508.000
Vay và nợ dài hạn	(15.1)	303.214.000	1.031.105.750
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	(15.2)	14.947.058	406.897.212
Dự phòng phải trả dài hạn (Dự phòng bảo hành sản phẩm)		306.129.932	716.153.296
Cộng		624.290.990	2.365.664.258

(15.1)	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
ACB - CN Chợ Lớn	912.600.450	223.495.200	1.136.095.650	-
Agribank - CN Lý Thường Kiệt	668.016.500	326.016.000	652.032.000	342.000.500
Vietinbank - CN Tây Sài Gòn	-	496.224.000	77.000.000	419.224.000
Cộng	1.580.616.950	1.045.735.200	1.865.127.650	761.224.500
Vay dài hạn đến hạn trả	(549.511.200)			(458.010.500)
Cộng vay và nợ dài hạn	1.031.105.750			303.214.000

Vay từ Ngân hàng NN và PT Nông thôn (Agribank) Chi nhánh Lý Thường Kiệt theo 2 hợp đồng

Hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-200800359 ngày 08/12/2008 với số tiền vay là 544.218.500 đồng; Thời hạn vay 48 tháng; Mục đích vay: thanh toán tiền mua xe; Lãi suất vay tại ngày 31/12/2011 là 20,5%/năm; Tài sản đảm bảo: xe ô tô 7 chỗ nhãn hiệu Hyundai Santa FE, màu đen. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2011 là **136.056.000 đồng**. Trong đó, phần nợ ngắn hạn đến hạn trả là 136.050.500 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-200800393 ngày 22/12/2008 với số tiền vay là 700.000.000 đồng; Thời hạn vay 48 tháng; Mục đích vay: thanh toán tiền mua xe; Lãi suất vay tại ngày 31/12/2011 là 20,5%/năm; Tài sản đảm bảo: xe ô tô con 5 chỗ nhãn hiệu Toyota Camry 3.5Q, màu đen. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2011 là **205.944.500 đồng**. Trong đó, phần nợ ngắn hạn đến hạn trả là 189.960.000 đồng.

Vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank) - CN Tây Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số 11.0210012/HĐTD-TDH ngày 17/02/2011 với số tiền được vay là 556.140.000 đồng; Thời hạn vay 4 năm, thời gian ân hạn 3 tháng; Mục đích vay thanh toán tiền mua máy móc thiết bị; Lãi suất vay tại ngày 31/12/2011 là 21%/năm; Tài sản đảm bảo: Máy khoan kính đứng CNC, Model: DLZ25 và Bàn lật kính, Model: YR-3725 với tổng trị giá 1.011.164.000 đồng. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2011 là **419.224.000 đồng**, trong đó phần nợ ngắn hạn đến hạn trả là 132.000.000 đồng

(15.2)

Dự phòng trợ cấp mất việc làm đầu năm	406.897.212
Trích lập trong năm	345.788.778
Chi trong năm	(737.738.932)
Cuối năm	14.947.058

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

16. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	73.425.000.000	-	-	73.425.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	6.682.265.980	-	20.800.000	6.661.465.980
Cổ phiếu quỹ	-	(2.020.632.420)	-	(2.020.632.420)
Quỹ đầu tư phát triển	5.168.444.531	843.810.062	-	6.012.254.593
Quỹ dự phòng tài chính	3.838.837.002	281.270.021	-	4.120.107.023
Lợi nhuận chưa phân phối	10.459.920.693	5.625.400.412	5.642.420.104	10.442.901.001
Cộng	99.574.468.206	4.729.848.075	5.663.220.104	98.641.096.177

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 064074 đăng ký lần đầu ngày 01/12/1997, và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 02/6/2009, vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 đồng. Công ty đang tiến hành các thủ tục để xin cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới với vốn điều lệ hiện có là 73.425.000.000 đồng.

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	7.342.500	7.342.500
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn	7.342.500	7.342.500
- Cổ phiếu phổ thông	7.342.500	7.342.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(283.300)	-
- Cổ phiếu phổ thông	(283.300)	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	7.059.200	7.342.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

Đơn giá bình quân của cổ phiếu quỹ: 7.132 đồng/cổ phiếu

Lợi nhuận chưa phân phối giảm trong năm do:

Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	281.270.021
Trích Quỹ đầu tư phát triển	843.810.062
Trích Quỹ dự phòng tài chính	281.270.021
Chia cổ tức năm 2010 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	4.236.070.000
Cộng	5.642.420.104

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

17. Doanh thu	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	219.314.150.694	267.800.858.570
Doanh thu bán thành phẩm	114.099.091.349	121.618.882.916
Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	15.762.993.455	-
Doanh thu cho thuê bất động sản	312.081.000	377.405.600
Cộng	349.488.316.498	389.797.147.086
Các khoản giảm trừ doanh thu	(264.378.089)	(1.230.857.367)
- Hàng bán bị trả lại	(102.662.114)	(851.261.725)
- Giảm giá hàng bán	(161.715.975)	(379.595.642)
Doanh thu thuần	349.223.938.409	388.566.289.719
18. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng hóa	205.281.804.167	242.805.799.272
Giá vốn bán thành phẩm	98.824.621.672	97.038.513.971
Giá vốn từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	1.280.647.256	89.347.488
Chi phí khấu hao BĐS đầu tư	37.228.120	-
Dự phòng dự phòng giảm giá hàng tồn kho (hoàn nhập)	(720.708.186)	2.910.821.943
Cộng	304.703.593.029	342.844.482.674
19. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	502.000.009	194.820.225
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	114.338.682
Lãi chênh lệch tỷ giá	417.897.747	704.000.630
Chiết khấu thanh toán	358.456.480	-
Cộng	1.278.354.236	1.013.159.537
20. Chi phí hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.971.856.049	5.077.339.497
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.336.343.040	1.294.833.146
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính (hoàn nhập)	(428.468.528)	(537.596.985)
Cộng	7.879.730.561	5.834.575.658

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

21. Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	8.867.790.207	6.229.247.221
Chi phí vật liệu bao bì, công cụ, dụng cụ	1.670.941.899	1.609.237.559
Chi phí khấu hao tài sản cố định	518.987.532	582.071.181
Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa	(364.950.383)	78.965.994
Chi phí dịch vụ mua ngoài	127.439.329	511.433.931
Chi phí khác bằng tiền	1.833.267.823	4.008.334.891
Cộng	12.653.476.407	13.019.290.777
22. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	6.453.089.570	5.826.387.830
Chi phí vật liệu quản lý, dụng cụ văn phòng	1.143.456.955	1.091.068.320
Chi phí khấu hao TSCĐ	771.902.001	800.956.340
Thuế, phí và lệ phí	418.531.578	-
Chi phí dự phòng	623.694.100	537.568.966
Chi phí dịch vụ mua ngoài	802.147.813	1.323.724.141
Chi phí bằng tiền khác	4.936.674.079	6.920.252.750
Cộng	15.149.496.096	16.499.958.347
23. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	207.372.937	1.647.727
Thu từ bán phế liệu	-	34.690.909
Thu tiền bồi thường, tiền phạt chậm trả, quá hạn thanh toán	703.959.117	-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	68.419.961	-
Thu nhập khác	70.919.667	238.594.869
Cộng	1.050.671.682	274.933.505
24. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại, chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	173.445.525	7.559.896
Phạt truy thu thuế, và phạt vi phạm liên quan đến thuế	916.312.287	285.902.054
Phạt vi phạm hợp đồng đặt cọc theo biên bản thỏa thuận	700.000.000	-
Chi phí khác	102.861.066	58.866.846
Cộng	1.892.618.878	352.328.796

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

25. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính	(5.208.296.843)	11.303.746.509
Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	14.482.346.199	-
Tổng thu nhập kế toán trước thuế	9.274.049.356	11.303.746.509
Các khoản điều chỉnh tăng	2.350.941.386	3.185.429.276
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(143.654.971)
Thu nhập (lỗ) chịu thuế từ hoạt động kinh doanh chính	(2.857.355.457)	14.345.520.814
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	14.482.346.199	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.648.648.944	3.586.380.204
Chi phí thuế TNDN phải nộp phát sinh trong năm	3.620.586.550	3.586.380.204
Thuế TNDN năm trước nộp bổ sung	28.062.394	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.648.648.944	3.586.380.204

26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	126.758.418.428	125.745.881.490
Chi phí nhân công	29.385.884.492	24.480.679.090
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.460.790.593	4.214.572.184
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.047.940.500	6.064.058.315
Chi phí khác	7.488.456.177	11.588.285.394
Cộng	172.141.490.190	172.093.476.473

VII. Thông tin khác

1. Nghiệp vụ các bên liên quan

Trong năm tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty TNHH MTV Kính Phú Phong	Công ty con	Góp vốn	33.269.821.227
		Bán hàng	2.927.246.499
		Mua hàng	(400.896.662)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Phải thu/(Phải trả)
Ông Trần Văn Quyền	Thành viên HĐQT	Phải thu và tạm ứng	2.197.020.106
Ông Lương Trọng Tuấn	Giám đốc	Phải trả tiền mượn	(600.000.000)
Công ty TNHH SX TM DV Trường Phong	Công ty liên kết	Phải thu khoản chi hộ	335.878.364
Công ty TNHH MTV Kinh Phú Phong	Công ty con	Phải trả	(440.986.328)
		Phải thu	3.219.971.149

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

TP HCM, ngày 04 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc